

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022
(Lớp 1, Lớp 2)

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo		Ghi chú
				Lớp 1	Lớp 2	
I	Tổng số học sinh		136	90	46	
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày		0	0	0	
III	Số học sinh chia theo Năng lực		136	90	46	
1	Tự học và tự chủ (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	56	32	24	
		%	41,2	35,6	52,2	
		Đạt	80,0	58	22	
		%	58,8	64,4	47,8	
		CCG	0	0	0	
		%				
2	Giao tiếp và Hợp tác (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	61	34	27	
		%	44,9	37,8	58,7	
		Đạt	75	56	19	
		%	55,1	62,2	41,3	
		CCG	0	0	0	
		%				
3	GQVĐ và sáng tạo (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	51	31	20	
		%	37,5	34,4	43,5	
		Đạt	85	59	26	
		%	62,5	65,6	56,5	
		CCG	0	0	0	
		%				
IV	Số học sinh chia theo Phẩm chất		136	90	46	
1	Yêu nước (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	87	47	40	
		%	64,0	52,2	87,0	
		Đạt	49	43	6	
		%	36,0	47,8	13,0	
		CCG	0	0	0	
		%				
2	Nhân ái (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	84	47	37	
		%	61,8	52,2	80,4	
		Đạt	52	43	9	
		%	38,2	47,8	19,6	
		CCG	0	0	0	
		%				
3	Chăm chỉ (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	62	36	26	
		%	45,6	40,0	56,5	
		Đạt	74	54	20	
		%	54,4	60,0	43,5	
		CCG	0	0	0	
		%				

STT	Nội dung		Tổng số	Chia ra theo		Ghi chú
				Lớp 1	Lớp 2	
4	Trung thực (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	83	44	39	
		%	61,0	48,9	84,8	
		Đạt	53	46	7	
		%	39,0	51,1	15,2	
		CCG	0	0	0	
		%				
4	Trách nhiệm (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	68	40	28	
		%	50,0	44,4	60,9	
		Đạt	68	50	18	
		%	50,0	55,6	39,1	
		CCG	0	0	0	
		%				
V	Số học sinh chia theo Kết quả học tập		136	90	46	
1	Tiếng Việt		136	90	46	
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	51	31	20	
		%	37,5	34,4	43,5	
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	Đạt	85	59	26	
		%	62,5	65,6	56,5	
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	CCG	0	0	0	
		%				
2	Toán		136	90	46	
a	Hoàn thành Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	54	31	23	
		%	39,7	34,4	50,0	
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	Đạt	82	59	23	
		%	60,3	65,6	50,0	
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	CCG	0	0	0	
		%				
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm		136	90	46	
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)		136	90	46	
			100	100	100	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
			0,0	0,0	0,0	
4	Khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)		39	21	18	
			28,7	23,3	39,1	
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học					
	(tỷ lệ so với tổng số)					

Long An, ngày 15 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đăng Quang

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021-2022
(Lớp 4, Lớp 5)

STT	Nội dung		Tổng số	Chia theo khối lớp			Ghi chú
				Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
I	Tổng số học sinh		47	16	24	7	
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày		0	0	0	0	
III	Số học sinh chia theo Năng lực		47	16	24	7	
1	Tự phục vụ, tự quản (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	34	10	17	7	
		%	72,3	62,5	70,8	100,0	
		Đạt	13	6	7	0	
		%	27,7	37,5	29,2	0,0	
		CCG	0	0	0	0	
		%					
2	Hợp tác (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	34	10	18	6	
		%	72,3	62,5	75,0	85,7	
		Đạt	13	6	6	1	
		%	27,7	37,5	25,0	14,3	
		CCG	0		0	0	
		%					
3	Tự học, GQVĐ (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	23	5	12	6	
		%	48,9	31,3	50,0	85,7	
		Đạt	24	11	12	1	
		%	51,1	68,8	50,0	14,3	
		CCG	0		0	0	
		%					
IV	Số học sinh chia theo Phẩm chất		47	16	24	7	
1	Chăm học, chăm làm (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	31	11	14	6	
		%	66,0	68,8	58,3	85,7	
		Đạt	16	5	10	1	
		%	34,0	31,3	41,7	14,3	
		CCG	0	0	0	0	
		%					
2	Tự tin, trách nhiệm (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	36	11	18	7	
		%	76,6	68,8	75,0	100,0	
		Đạt	11	5	6	0	
		%	23,4	31,3	25,0	0,0	
		CCG	0	0	0	0	
		%					
3	Trung thực, kỷ luật (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	35	11	17	7	
		%	74,5	68,8	70,8	100,0	
		Đạt	12	5	7	0	
		%	25,5	0,0	29,2	0,0	
		CCG	0	0	0	0	
		%					



STT	Nội dung		Tổng số	Chia theo khối lớp			Ghi chú
				Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
4	Đoàn kết, yêu thương (tỷ lệ so với tổng số)	Tốt	34	11	16	7	
		%	72,3	68,8	66,7	100,0	
		Đạt	13	5	8	0	
		%	27,7	31,3	33,3	0,0	
		CCG	0	0	0	0	
		%					
V	Số học sinh chia theo Kết quả học tập		47	16	24	7	
1	Tiếng Việt		47	16	24	7	
a	Hoàn thành Tốt	Tốt	18	4	12	2	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%	38,3	25,0	50,0	28,6	
b	Hoàn thành	Đạt	29	12	12	5	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%	61,7	75,0	50,0	71,4	
c	Chưa hoàn thành	CCG	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%					
2	Toán		47	16	24	7	
a	Hoàn thành Tốt	Tốt	17	4	7	6	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%	36,2	25,0	29,2	85,7	
b	Hoàn thành	Đạt	30	12	17	1	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%	63,8	75,0	70,8	14,3	
c	Chưa hoàn thành	CCG	0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)	%					
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm		47	16	24	7	
1	Lên lớp thẳng		47	16	24	7	
	(tỷ lệ so với tổng số)		100	0	100	100	
3	Lưu ban		0	0	0	0	
	(tỷ lệ so với tổng số)		0,0	0,0	0,0	0,0	
4	Khen thưởng		14	4	6	4	
	(tỷ lệ so với tổng số)		29,8	25,0	25,0	57,1	
VI	Số học sinh đã hoàn thành chương trình cần tiểu học		7			7	
	(tỷ lệ so với tổng số)		100			100	

Long An, ngày 15 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Huỳnh Đăng Quang